TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 40/2026/DS-ST
Ngày: 22-5-2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Mên

Bà Phước Thị Kim Huê

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Đầy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông Dương Văn Nhẹ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 65/2026/QĐXXST-DS ngày 16/4/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2026/QĐST-DS ngày 06/5/2026 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 81/2026/QĐXXST-DS ngày 06/5/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Quỹ tín dụng nhân dân Đ. Địa chỉ: ấp C, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1983; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Huỳnh Ngọc T là ông Trầm Sơn B, sinh năm 1990. Địa chỉ liên lạc: ấp M, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Ngọc Đ, sinh ngày 09/01/1981. Địa chỉ: ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt, không có lý do)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Sơn Tấn T1, sinh ngày 30/11/1979. Địa chỉ: ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt, không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2025 của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Đại An và tại phiên tòa người đại diện cho Quỹ tín dụng là ông Trầm Sơn B trình bày: Ngày 07/3/2024 Quỹ tín dụng nhân dân Đ1 đã ký hợp đồng tín dụng số 24.085/HS cho bà Trần Thị Ngọc Đ và ông Sơn Tấn T1 (người thừa kế) vay số tiền vay 95.000.000 đồng, mục đích cho vay chăn nuôi tôm cá, thời hạn vay 13 tháng, từ ngày 07/3/2024 đến ngày 07/04/2025. Mức lãi suất quy định là 16%/năm đối với lãi trong hạn và 24%/năm đối với lãi quá hạn. Để đảm bảo hợp đồng tín dụng bà Trần Thị Ngọc Đ, ông Sơn Tấn T1 đã thế chấp quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 216, diện tích 500m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất 217, diện tích 1440m^2, loại đất trồng lúa nước còn lại và thửa đất 219, diện tích 1119m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác, cùng tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long theo hợp đồng thế chấp số 10.749/HĐTC ngày 01/02/2023 và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực A - Vĩnh Long). Từ thời điểm giải ngân hợp đồng tín dụng đến khi đến hạn thanh toán bà Trần Thị Ngọc Đ chưa thanh toán cho quỹ tín dụng phần gốc và lãi đến hạn, cán bộ tín dụng đã đến nhà rất nhiều lần để đôn đốc thu hồi nợ gốc và nợ lãi nhưng bà Đ, ông T1 cố tình né tránh, đã vi phạm nghiêm trọng hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Nay Quỹ tín dụng nhân dân Đại An yêu cầu buộc bà Trần Thị Ngọc Đ và ông Sơn Tấn T1 phải thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân Đại An tổng cộng số nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 22/5/2026 là 137.103.000 đồng, trong đó nợ gốc là 95.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 16.491.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 25.612.000 đồng và yêu cầu bà Trần Thị Ngọc Đ và ông Sơn Tấn T1 tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh tính từ ngày 23/5/2026 đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp bà Trần Thị Ngọc Đ, ông Sơn Tấn T1 không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ cho Quỹ tín dụng nhân dân Đại An thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc các thửa số 216, 217, 219 theo hợp đồng thế chấp số 10.749/HĐTC ngày 01/02/2023 để thu hồi nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Đại An gồm các thửa đất số 216, tờ bản đồ số 3, diện tích 500m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 217, tờ bản đồ số 3, diện tích 1440m^2, loại đất trồng lúa nước còn lại; thửa đất số 219, tờ bản đồ số 3, diện tích

1119m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác, cùng tọa lạc ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) do bà Trần Thị Ngọc Đ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Sơn Tấn T1 đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, không khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa vào các ngày 06/5/2026 và ngày 22/5/2026 nhưng bà Đ và ông T1 vắng mặt không lý do.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Đại An. Buộc bà Trần Thị Ngọc Đ, ông Sơn Tấn T1 phải trả cho Q tín dụng nhân dân Đại An số tiền tính đến ngày 22/5/2026 là 137.103.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu một trăm lẻ ba nghìn đồng), trong đó: nợ gốc là 95.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 16.491.000 đồng; tiền lãi quá hạn là 25.612.000 đồng. Kể từ ngày 23/5/2026 bà Đ, ông T1 phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 24.085/HS ký ngày 07/3/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp bà Đ, ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Đại An thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số số 216, diện tích 500m^2, tờ bản đồ số 3, loại đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 217, diện tích 1440m^2, tờ bản đồ số 3, loại đất trồng lúa nước còn lại; thửa đất số 219, diện tích

1119m^2, tờ bản đồ số 3, loại đất trồng cây hàng năm khác do bà Trần Thị Ngọc Đ đứng tên quyền sử dụng đất để thu hồi nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Đại An.

Về án phí và chi phí tố tụng đề nghị buộc bà Đ, ông T1 phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Đại An yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Ngọc Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Sơn Tấn T1 trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 24.085/HS ký ngày 07/3/2024, trường hợp bà Trần Thị Ngọc Đ, ông Sơn Tấn T1 không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ cho Quỹ tín dụng nhân dân Đại An thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số 10.749/HĐTC ngày 01/02/2023 để thu hồi nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Đại An, do bà Đ, ông T1 có nơi cư trú tại ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án xác định đây là vụ kiện "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: bị đơn bà Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T1 là người có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng tín dụng, quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt bằng phương thức niêm yết công khai các văn bản tố tụng và triệu tập đến tham gia phiên tòa hợp lệ nhiều lần nhưng bà Đ, ông T1 đều vắng mặt. Theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đương sự phải có nghĩa vụ tôn trọng Tòa án, phải có mặt theo giấy triệu tập và chấp hành quyết định của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Như vậy, việc bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án làm việc được coi là đã từ bỏ quyền lợi của mình về việc được nêu quan điểm, ý kiến và cung cấp chứng cứ chứng minh. Theo Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa chỉ căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn cung cấp cũng như các tài liệu mà Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập để làm căn cứ giải quyết vụ án. Đồng thời, căn cứ khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị Ngọc Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sơn Tấn T1 theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Theo hợp đồng tín dụng số 24.085/HS ký ngày 07/3/2024, Quỹ tín dụng nhân dân Đại An có cho bà Đ, ông T1 (người kế thừa) vay số tiền gốc 95.000.000 đồng, mục đích cho vay chăn nuôi tôm cá, thời hạn vay 13 tháng, từ ngày 07/3/2024 đến ngày 07/04/2025. Mức lãi suất quy định là 16%/năm đối với lãi trong hạn và 24%/năm đối với lãi quá hạn. Hợp đồng tín dụng được các bên xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung, mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng cam kết. Tuy nhiên, đến nay bà Đ, ông T1 chưa trả nợ gốc và lãi cho Quỹ tín dụng theo hợp đồng đã ký nên đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Ngày 27/10/2025, Quỹ tín dụng nhân dân Đại An làm đơn khởi kiện bà Đ, ông T1. Do đó, việc Quỹ tín dụng nhân dân Đại An yêu cầu bà Đ, ông T1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng theo hợp đồng tín dụng 24.085/HS ký ngày 07/3/2024 với tổng số tiền tính đến ngày 22/5/2026 là 137.103.000 đồng, trong đó nợ gốc là 95.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 22/5/2026 là 42.103.000 đồng (gồm lãi trong hạn là 16.491.000 đồng, lãi quá hạn là 25.612.000 đồng) và yêu cầu bà Trần Thị Ngọc Đ và ông Sơn Tấn T1 thanh toán nợ lãi phát sinh tính từ ngày 23/5/2026 đến khi thanh toán hết nợ là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Khi vay số tiền 95.000.000 đồng của Quỹ tín dụng nhân dân Đại An thì bà Đ, ông T1 có ký hợp đồng thế chấp số: 10.749/HĐTC ngày 01/02/2023 gồm các thửa đất số 216, tờ bản đồ số 3, diện tích 500m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS453081, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T (nay là tỉnh Vĩnh Long), cấp ngày 02/07/2019; thửa đất số 217, tờ bản đồ số 3, diện tích 1440m^2, loại đất trồng lúa nước còn lại, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS382983, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T (nay là tỉnh Vĩnh Long), cấp ngày 21/06/2019; thửa đất số 219, tờ bản đồ số 3, diện tích 1119m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS453045, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T (nay là tỉnh Vĩnh Long), cấp ngày 01/07/2019, các thửa đất cùng tọa lạc ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) do bà Trần Thị Ngọc Đ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền đã vay. Tài sản đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực A - Vĩnh Long). Xét tính pháp lý hợp đồng thế chấp trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về nội dung cũng như hình thức của pháp luật dân sự về giao dịch bảo đảm được quy

định tại Điều 298 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 167 (khoản 3 Điều 27 Luật Đất đai năm 2024); ngày 30/11/2022 về đăng ký biện pháp bảo đảm. Theo đó thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp nêu trên có hiệu lực pháp luật thi hành. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không thanh toán được khoản nợ là có căn cứ theo quy định tại khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự và phù hợp với các thỏa thuận của hợp đồng thế chấp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Quỹ tín dụng nhân dân Đại An đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 6.000.000 đồng, đã chi cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ là 600.000 đồng buộc bà Trần Thị Ngọc Đ và ông Sơn Tấn T1 phải chịu theo quy định và thu từ bà Đ, ông T1 số tiền nêu trên để hoàn trả cho Q tín dụng Đ, hoàn trả cho Q tín dụng Đại An số tiền còn thừa là 5.400.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị Ngọc Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Sơn Tấn T1 phải chịu án phí dân sự theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp.

[6] Quan điểm của Vị Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Vĩnh Long là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 244; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2019 và năm 2025);

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Đại An.

Buộc bà Trần Thị Ngọc Đ, ông Sơn Tấn T1 phải trả cho Q tín dụng nhân dân Đại An số tiền tính đến ngày 22/5/2026 là 137.103.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu một trăm lẻ ba nghìn đồng), trong đó: nợ gốc là 95.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 16.491.000 đồng; tiền lãi quá hạn là 25.612.000 đồng.

Kể từ ngày 23 tháng 5 năm 2026 cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 24.085/HS ký ngày 07/3/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Đại An. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Q tín dụng nhân dân Đại An theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp bà Trần Thị Ngọc Đ, ông Sơn Tấn T1 không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ cho Quỹ tín dụng nhân dân Đại An, thì Quỹ tín dụng nhân dân Đại An có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 10.749/HĐTC ngày 01/02/2023 để thu hồi nợ.

3. Về chi phí tố tụng: Quỹ tín dụng nhân dân Đại An đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 6.000.000 đồng, đã chi cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ là 600.000 đồng buộc bà Trần Thị Ngọc Đ và ông Sơn Tấn T1 phải chịu theo quy định và thu từ bà Đ, ông T1 số tiền nêu trên để hoàn trả cho Q tín dụng Đ, hoàn trả cho Q tín dụng Đại An số tiền còn thừa là 5.400.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị Ngọc Đ và ông Sơn Tấn T1 mỗi người phải chịu 3.427.575 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Q tín dụng nhân dân Đại An số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước bằng 3.104.000 đồng theo biên lai thu số 0008649 ngày 06/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

5. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 13 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Phúc